

PHỤ LỤC I

Phân công nhiệm vụ thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá đối với hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá
(Kèm theo Quyết định số 69/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

| Số TT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Sở, ngành thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá |
|--------------|---|--|
| 1 | Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý | Sở Giao thông vận tải |
| 2 | Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | Sở Giao thông vận tải |
| 3 | Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | Sở Giao thông vận tải |
| 4 | Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | |
| 4.1 | Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | Sở Giao thông vận tải |
| 4.2 | Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga của cảng cá được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 5 | Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 6 | Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 7 | Nước sạch | |
| 7.1 | Nước sạch đô thị | Sở Xây dựng |
| 7.2 | Nước sạch nông thôn | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |

| Số TT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Sở, ngành thẩm định phương án giá và trình văn bản định giá |
|-------|---|---|
| 8 | Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương | Các sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh xây dựng phương án giá. Các cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp công lập |
| 9 | Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập | Sở Y tế |
| 10 | Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ | Các sở quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh xây dựng phương án giá. Các cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp công lập |
| 11 | Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 12 | Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 13 | Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước | Sở Xây dựng |
| 14 | Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô | Sở Giao thông vận tải |
| 15 | Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 16 | Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước) | Sở Xây dựng |
| 17 | Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước | Sở Giao thông vận tải |
| 18 | Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước | Các sở quản lý ngành, lĩnh vực |
| 19 | Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng | Sở Tư pháp |
| 20 | Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước | Sở Công Thương |

